

Bản án số: 198/2017/HSPT
Ngày: 10/8/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Tiến

- Ông Vũ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 196/2017/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo BC1 và đồng bọn; về tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: BC1, sinh năm: 1991 tại tỉnh Quảng Bình; hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông ĐMT, sinh năm 1970 và bà ĐTX, sinh năm 1973; Hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có vợ là NTH, sinh năm 1993, bị cáo chưa có con; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án:

Năm 2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 11 năm 6 tháng tù về tội “Giết người, cố ý gây thương tích” tại bản án số 203/2008/HSST ngày 31/12/2008. Ngày 30/8/2013, được đặc xá tha tù trước thời hạn về địa phương sinh sống.

Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện ES xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 23/2014/HSST ngày 03/6/2014. Ngày 08/5/2015, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2016, Có mặt.

2. Họ và tên: BC2 sinh ngày: 14/6/1999 tại tỉnh Đắk Lắk; Hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông ĐMT, sinh năm 1970 và bà ĐTX, sinh năm 1973; Hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/4/2016, Có mặt.

3. Họ và tên: BC3 Sinh ngày: 15/01/2000 tại tỉnh Đắk Lắk; hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông ĐHV, sinh năm 1975 và bà ĐTN, sinh năm 1975; Hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2016, Có mặt.

4. Họ và tên: BC4, sinh ngày: 25/7/1994 tại tỉnh Quảng Bình; hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông PM, sinh năm 1970 và bà NTT, sinh năm 1973; Hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2016, Có mặt.

5. Họ và tên: BC5 sinh ngày: 05/3/1993 tại tỉnh Quảng Bình; Hộ khẩu thường trú: xã MH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở trước khi phạm tội: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông CVB, sinh năm 1958 và bà TTML, sinh năm 1966; Hiện trú tại: xã MH, huyện MH, tỉnh Quảng Bình; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2016, Có mặt.

6. Họ và tên: BC6 sinh ngày: 22/4/1997; Tại tỉnh Quảng Bình; Hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông PM, sinh năm 1970 và bà NTT, sinh năm 1973; Hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2016, Có mặt.

7. Họ và tên: BC7, sinh năm 1990, tại tỉnh Trà Vinh; Hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Phật giáo; Con ông TT, sinh năm 1965 và bà TTT, sinh năm 1963; Hiện trú tại: xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là ĐTH, sinh năm 1988 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2016, Có mặt.

8. Họ và tên: BC8, sinh ngày 17/6/1999, tại tỉnh Đồng Nai; Hiện trú tại: xã IL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông PVD, sinh năm 1966 và bà MTS, sinh năm 1976; Hiện trú tại: xã IL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2016, Có mặt.

9. Họ và tên: BC9, sinh ngày 09/5/2000, tại tỉnh Đắk Lắk; Hiện trú tại: xã IL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Chứt; tôn giáo: Không; Con ông CG, sinh năm 1978 và bà CTB, sinh năm 1979; Hiện trú tại: xã IL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2016, Có mặt.

* Người bào chữa:

- Người bào chữa cho các bị cáo BC1, BC2, BC3, BC4, BC5, BC6, BC7, BC9: Ông VH, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư TN- Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo BC8: Ông NTT, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư BK, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo BC9.*

- Ông CG, Sinh năm 1978 và bà CTB.

Cùng trú tại : xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo BC8:*

Ông PVD và bà MTS; Sinh năm: 1976,

Cùng trú tại: xã IL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo BC3:*

Ông ĐHV và bà ĐTN.

Cùng trú tại : xã EJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo BC1, BC2, BC3, BC4, BC5, BC6, BC7, BC8, BC9 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố về hành vi phạm tội như sau: Do BC3, BC2 có mâu thuẫn với Vi Trường V nên khoảng 21h30' ngày 08/4/2016 BC3 rủ BC2, BC6 đi đánh Vi Trường V thì cả ba đều đồng ý. Sau đó BC6 rủ các bạn là BC5,

BC4, BC9, BC3, BC8, Phan Thị H, Phan Trà G và Nguyễn Thị Kiều O đến Thôn 5, xã IJ, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk tìm V để đánh trả thù. Tất cả đi trên 05 xe mô tô cầm theo hung khí là dao, tuýp sắt đi tìm V để đánh. Khi đến đoạn đường Thôn 5, xã IJ, huyện ES, thấy V đang đi xe máy ngược chiều trước nhà anh Lang Văn S thì một người trong nhóm của BC2 la to: “*Thằng V kia*”, nghe vậy V chạy xe mô tô vào trong nhà chị Lò Thị T ở gần đó, bỏ xe lại rồi chạy bộ ngược lên quán tạp hóa PH cách đó khoảng 50m. Tại đây, V gặp Vi Văn H, Vi Văn T1, Lữ May T2, Hà Duy H, Vi Văn M đều cùng trú tại Thôn 5, xã IJ, huyện ES, kể chuyện V bị nhóm BC2 đuổi đánh. Sau khi nghe chuyện thì H, T1, T2, H, M cùng với V không mang theo hung khí gì đi bộ xuống chỗ nhóm của BC2 để hỏi lý do tìm đánh V. Khi gần đến nơi, nhóm của V bị nhóm của BC2 đuổi đánh, nên V la to: “*người trong làng bị đánh*”. Lúc này anh Lang Văn S, Lang Văn T3, đang ngồi ở hiên nhà thấy vậy nên đi ra can ngăn nhưng nhóm của BC2 không nghe lời mà còn đòi đánh anh S và anh T3. Bức xúc vì thái độ hỗn láo của nhóm thanh niên nên anh S, anh T3 chạy vào nhà lấy 02 đoạn cây gỗ dài khoảng 80cm ra đuổi đánh nhóm của BC2 thì BC2 và đồng bọn bỏ chạy, để lại 01 chiếc xe mô tô Yamaha Sirius, biển số 47P1 - 089.22 ở trước nhà chị Lò Thị T.

Sau khi nhóm của BC2 bỏ chạy được khoảng 500m đến trước Bưu điện xã IJ, huyện ES thì BC2 gọi điện thoại cho anh trai là BC1 nói với BC1 là trên đường đi chơi về bị nhóm thanh niên Thôn 5, xã IJ đánh và cướp 01 xe mô tô, đồng thời nhờ BC1 đến đánh lại nhóm thanh niên Thôn 5 và lấy lại xe. Lúc này, BC1 đang ngồi uống rượu tại Thôn 3, xã IJ, huyện ES, cùng với BC7, Đinh Văn B, Cao Văn T nên BC1 hỏi BC7 để mã tấu ở đâu nhưng BC7 không trả lời. Do biết BC7 thường để mã tấu ở gầm giường nhà BC7 nên BC1 lấy xe mô tô nhãn hiệu Magic, biển số 17K3 - 6743 chạy thẳng xuống nhà BC7 lấy mã tấu. Sau đó, BC1 gọi điện thoại gọi cho em trai là Đinh Văn L nói sự việc BC2 bị đánh và hẹn L cùng đến Bưu điện xã IJ để đánh lại nhóm thanh niên Thôn 5, xã IJ thì L đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 47P1 - 111.95, tay cầm một cây mã tấu chạy đến Bưu điện xã IJ. Sau khi biết chuyện BC2 bị số thanh niên Thôn 5 đánh thì B lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 47N2 - 5849 chở BC7 đi về nhà BC7 để BC7 lấy 01 con dao rựa, 01 búa rìu rồi B chở BC2 mang theo hung khí đi giúp BC2 đánh số thanh niên Thôn 5 và lấy lại xe mô tô.

Khi tất cả có mặt và tập trung tại trước Bưu điện xã IJ, BC1 hỏi lại BC2 một lần nữa về nội dung sự việc thì BC2 nói không đúng sự thật với BC1 là BC2 bị thanh niên thôn 5 xã IJ đánh, giữ lại xe và nhờ BC1 đi đánh nhóm thanh niên thôn 5 xã IJ và lấy xe mô tô về nói sai sự thật như vậy là để cho BC1 và đồng bọn cùng đi. BC1 nói tất cả đồng bọn thống nhất chạy xe, mang hung khí đến thôn 5 đánh nhau và lấy xe về.

BC2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Magic, biển số 17K3 - 6743 chở BC1

ngồi giữa, L ngồi sau, trên tay mỗi người cầm 01 cây mã tấu, riêng BC2 cầm theo 01 cây tuýp sắt; B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 47N2 - 5849 chở BC7 ngồi sau, tay phải cầm rựa, tay trái cầm rìu; BC4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant, biển số 47P1 - 060.16 chở BC6 ngồi giữa cầm một con dao thái thịt, BC9 ngồi sau cầm một cây tuýp sắt; BC8 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển số 47P1 - 089.22 chở BC3 ngồi giữa, BC5 ngồi sau mỗi tay cầm một đoạn cây gỗ; riêng 03 đối tượng nữ là Phan Thị H, Phan Thị Trà G và Nguyễn Thị Kiều O biết BC2 và đồng bọn đến Thôn 5 để đánh nhau, đã can ngăn nhưng không ai nghe nên H, G và O không đi cùng mà đứng tại Bưu điện xã IJ sau đó đi về nhà.

Khi phát hiện thấy BC2 cùng đồng bọn mang theo nhiều hung khí đi trên xe mô tô còn cách nhà chị Lò Thị T khoảng 50m thì Vi Trường V, Vi Văn H và Vi Văn T, mỗi người đang cầm một gậy gỗ cùng Lữ May T, Vi Văn M sợ bị nhóm BC2 đánh nên đã bỏ trốn ra sau nhà chị Lò Thị T mà không dám ra phía trước. BC2 cùng đồng bọn đi đến trước nhà chị Lò Thị T thì cả bọn xuống xe (*riêng BC4 còn ngồi trên xe mô tô*), đi thẳng vào trong sân nhà chị T hỏi chị T ai đã đánh BC2 và đòi trả lại xe mô tô nếu không sẽ giết hết. Thấy sự việc như vậy thì anh Lang Văn S, Lang Văn T3, Lò Văn T4, đang đứng ở hiên nhà anh S, mỗi người lấy 01 đoạn cây dài khoảng 80cm chạy ra đánh nhau với nhóm của BC2. Trong lúc đánh nhau, anh S đuổi BC7 chạy đến đoạn đường đất trước quán tạp hóa PH thì BC7 đột ngột dừng lại, lách người qua bên trái làm anh S chạy quá đà vượt qua mặt BC7, lập tức BC7 cầm rựa chém 01 nhát vào vùng đầu anh S rồi tiếp tục cầm dao bỏ chạy lên hướng Bưu điện xã IJ. Trên đường đi BC7 vứt con dao gậy án rồi đi về nhà.

Đối với anh T3 và anh T4 bị chém gây thương tích ở trước quán tạp hóa PH, anh T4 bị chém ở thái dương trái và đỉnh đầu, còn anh T3 bị chém ở vùng đỉnh đầu trái và vai trái.

Lúc này, nhóm của V cùng nhiều người dân chạy đến thì thấy anh S, anh T4 nằm gục trên đường, còn anh T3 bị thương trên đầu. Mọi người đưa anh S đi cấp cứu nhưng anh S bị tử vong do vết thương quá nặng, còn anh T4 được cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện ES, anh T3 được đưa vào Trạm y tế xã IJ điều trị (*Bút lục: 75-98; 153-175; 204-221; 253-275; 309- 326; 359-379; 410-427; 457-472; 503-523; 563-580; 612-630*).

Tại Bản kết luận pháp y tử thi số 253/GDPY ngày 09/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyên nhân tử vong của Lang Văn S là: Viết thương chằm phải gây nên đứt, vỡ xương sọ, thương tổn tiểu não, đại não phải, dẫn đến choáng não và mất máu cấp không hồi phục. Tác nhân: Vết thương vùng chằm phải do vật cứng có lưỡi sắc gây nên.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 601/PY-TgT ngày

27/5/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận tỉ lệ phần trăm thương tích của Lò Văn T4 là 30%, vật tác động: Sắc bén.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 600/PY-TgT ngày 27/5/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận tỉ lệ phần trăm thương tích của Lang Văn T3 là 10%, vật tác động: Sắc bén.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 13-14/4/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo BC1, BC2, BC3, BC4, BC5, BC6, BC7, BC8, BC9 phạm tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93, khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 50, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự đối với BC2; Áp dụng điểm n, p Khoản 1 Điều 93, Khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với BC1; Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93, Khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự, điểm X khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với BC6; Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93, Khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự đối với BC7; Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93, Khoản 2 Điều 104; điểm n khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 50, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự đối với BC3; Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93, Khoản 2 Điều 104 điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với BC5; Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93, Khoản 2 Điều 104 điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 50, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự và điểm X khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với BC8; Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 93, Khoản 2 Điều 104 điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 50, Điều 69, khoản 2 Điều 74 Bộ luật hình sự và điểm X khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với BC9.

Xử phạt bị cáo BC2 15 năm tù về tội “Giết người” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC2 phải chấp hành hình phạt chung là 17 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

Xử phạt bị cáo BC7 19 năm tù về tội “Giết người” 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC7 phải chấp hành hình phạt chung là 21 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/4/2016.

Xử phạt bị cáo BC1 15 năm tù về tội “Giết người” và 2 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC1 phải chấp hành hình phạt chung là 17 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

Xử phạt bị cáo BC6 14 năm tù về tội “Giết người” và 2 năm tù về tội “Cố ý

gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC6 phải chấp hình phạt chung là 16 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

Xử phạt bị cáo BC3 13 năm tù về tội “Giết người” và 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC3 phải chấp hình phạt chung là 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

Xử phạt bị cáo BC5 13 năm tù về tội “Giết người” và 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC5 phải chấp hình phạt chung là 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

Xử phạt bị cáo BC4 12 năm 06 tháng tù về tội “Giết người” và 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC4 phải chấp hình phạt chung là 14 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

Xử phạt bị cáo BC8 09 năm 06 tháng tù về tội “Giết người” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC9 phải chấp hình phạt chung là 11 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

Xử phạt bị cáo BC9 05 năm 06 tháng tù về tội “Giết người” và 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc BC9 phải chấp hình phạt chung là 06 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2017 bị cáo BC7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/4/2017 bị cáo BC2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/4/2017 bị cáo BC6 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/4/2017 bị cáo BC3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/4/2017 bị cáo BC5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/4/2017 bị cáo BC4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/4/2017 bị cáo BC1 kháng cáo xin xem xét lại tội giết người và tội cố ý gây thương tích và giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/4/2017 đại diện hợp pháp của bị cáo BC8 là bà MTS kháng cáo xin xem xét lại tội danh giết người và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo BC8.

Ngày 17/4/2017, đại diện hợp pháp của bị cáo BC9 là ông CG kháng cáo xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo BC9.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo BC1, BC7, BC2, BC6, BC4, BC9, BC8, BC3 và BC5 đều cho rằng các bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho các bị hại Lang Văn T3, Lò Văn T4 nên không phạm tội cố ý gây thương tích. Bị cáo BC1 cho rằng không trực tiếp chém bị hại Lang Văn S mà do BC7 chém anh Lang Văn S chết nên bị cáo không phạm tội giết người.

Tuy nhiên, các bị cáo BC1, BC2, BC3, BC4, BC6, BC7, BC8, BC9 và BC5 đều có lời khai cùng nhau mang theo hung khí nguy hiểm như: Dao, rựa, mã tấu, rìu, tuýp sắt và cây gỗ, chở nhau đi đến địa điểm gây án để đánh lấy lại xe mô tô và bị cáo BC7 khai nhận trong quá trình xô xát tại địa điểm gây án bị cáo BC7 đã dùng rựa chém vào đỉnh đầu của bị hại Lang Văn S dẫn đến anh Lang Văn S bị chết như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ngày 13 và 14/4/2017 đã nhận định.

Người bào chữa cho các bị cáo trong vụ án có ý kiến cho rằng bị cáo BC1, BC2 là người chủ mưu trong vụ án này và các bị cáo BC7, BC6, BC4, BC9, BC8, BC3, BC5 là các bị cáo tiếp nhận ý chí đi lấy lại xe của bị cáo BC1 và BC2. Hành vi giết người của bị cáo BC7 hành vi thái quá, vượt ngoài ý chí của các bị cáo còn lại nên chỉ có bị cáo BC7 phạm tội giết người. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã cùng gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại Lang Văn S và các bị hại Lang Văn T3, Lò Văn T4; gia đình bị hại Lang Văn S và các bị hại Lang Văn T3, Lò Văn T4 đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là hộ nghèo, người thân thích có công với nhà nước và các bị hại trong vụ án đã có hành vi thiếu kìm chế. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Cho nên, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Hành vi của các bị cáo bị cáo BC1 bị Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội “*Giết người, cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm n, p khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự và các bị cáo BC2, BC7, BC6, BC4, BC8, BC3 và BC5 bị Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội “*Giết người, cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 và khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo BC9 khi thực hiện hành vi phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” chưa đủ 16 tuổi nên bị cáo BC9 chỉ phạm tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới như: Bồi thường thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình các bị cáo là các hộ nghèo và có công nên đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai nhận hành vi của các bị cáo BC1, BC2, BC3, BC4, BC6, BC7, BC8, BC9 và BC5 đều có lời khai cùng nhau mang theo hung khí nguy hiểm như: Dao, rựa, mã tấu, rìu, tuýp sắt và cây gậy, chờ nhau đi đến địa điểm gây án để đánh lấy lại xe mô tô tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Cụ thể như sau:

- Bị cáo BC2 khai: “Bỏ xe chạy về ngã ba bưu điện xã IJ...chúng tôi tập trung tại ngã ba gần bưu điện xã IJ. Vì bị đánh và còn bị giữ xe lại nên chúng tôi rất tức giận nên tôi gọi điện thoại cho anh trai tôi là BC1 ...15 phút sau, anh BC1 cùng anh BC7, anh B, anh L đến mang theo dao, mã tấu...Tại ... hai người đàn ông lao ra đánh, chúng tôi cũng lao vào dùng hung khí đánh lại họ...đang đánh nhau thì anh BC1 hô họ có súng nên chúng tôi bỏ chạy...”; “đánh nhau lộn xộn...chỉ có ba người con gái là không đánh nhau”; “chúng tôi cầm theo hung khí đi tìm người để đánh trả thù mục đích là đánh trả thù” và “khi đánh nhau giữa hai nhóm thì rất lộn xộn, trời tối nên không xác định được nhưng tôi xác định rõ những người cùng đi với tôi đều lao vào đánh nhau với nhóm bên kia chỉ có 03 bạn nữ là không tham gia...nhóm đánh nhau với nhóm chúng tôi có khoảng 10 người đàn ông cầm theo gậy gỗ...tôi có dùng tuýp sắt đánh trúng vào lưng một người đàn ông...”;

- Bị cáo BC1 khai: “Tôi có rủ B, L, BC7 đi cùng...”; “Tôi cầm mã tấu...chém vào vào cây gậy cổng nhà bên cạnh và nói xe đâu rồi, xe ở đâu...”; “Tôi thấy hành vi của tôi và đồng bọn tập trung ở bưu điện xã IJ, chuẩn bị hung khí: Dao, gậy, mã tấu...đi lấy xe máy của BC2 và nếu bên kia không cho lấy thì đánh và biết việc đánh nhau rất nguy hiểm sẽ dẫn đến chết, bị thương... ba người bị hại dùng cây gậy truy đuổi” và “Sau khi sự việc đánh nhau xảy ra xong thì tôi, L, BC2, BC4, BC6, BC5, BC9, BC3, BC8 tập trung tại nhà của tôi- không có BC7 và B. Tại đây...tôi có hỏi đồng bọn ai chém bên kia không...nếu Công an kêu lên có sao khai vậy chứ đừng khai tùm lum chết đó...”;

- Bị cáo BC6 khai: “Sau khi tôi và BC2 cùng đồng bọn bị đuổi đánh, bỏ lại xe máy thì chúng tôi tập trung ở ngã ba bưu điện xã IJ, lúc này BC2 gọi điện để anh trai BC2 đến giúp, chúng tôi tập hợp người, cầm theo hung khí để xuống đánh trả thù và lấy lại xe. Những người đi đánh gồm: Tôi, BC2, BC1, Liễu, BC7, Bằng, BC4, BC9, BC5, BC3, BC8, chỉ có H, G và O không đi theo chúng tôi”; “tôi và BC2 về lấy dao và tuýp sắt...khi đánh nhau tôi cầm con dao thái thịt” và “Tất cả tập trung ở ngã ba bưu điện ...ba đứa con gái khuyên chúng tôi đừng đánh nhau nhưng chúng tôi không nghe ...ba đứa con gái đi về...khi đến nơi ...BC1 và Liễu

chưởi bới đòi lại xe và hô to gọi tắt cả xông vào đánh nhóm thôn 5...có một người đàn ông đuổi theo nên tôi ném con dao đang cầm trên tay về phía người đàn ông đang đuổi...”;

- Bị cáo BC3 khai: “Tại ngã ba buru điện, BC2 gọi điện thoại cho anh BC1, bảo BC1 lên hỗ trợ ... khoảng 20 phút sau anh BC1, anh L, anh BC7 và anh B đến ...cùng chở xe máy đi tôi cầm gậy gỗ do BC8 đưa ...”; “chúng tôi cùng mục đích đánh lại lấy xe của BC2 về...” và “khi đi đánh lại thì BC1, L, BC2 đi 1 xe trước...B và BC7 đi sau xe BC2. BC4 đi xe chở 02 người nữa, tôi đi xe với BC8 và BC5, trên đường đi BC8 dừng lại bảo tôi rút cây gậy đưa cho BC8, BC8 bẻ làm hai đưa cho tôi một đoạn...lúc đó xe BC4 vượt qua xe chúng tôi...”

- Bị cáo Đinh Văn L và Đinh Văn B khai: “Mọi người tập trung ở ngã ba buru điện xã IJ rồi cùng đi đến Thôn 5, xã IJ, huyện ES...để đánh trả thù và lấy lại xe”; “BC1 nói thẳng nào giữ xe đưa ra đây không tao chém ...tôi, BC1 và một số người nữa cầm hung khí xông vào”; “hai bên lời qua tiếng lại và đánh nhau...hai bên đánh nhau loạn xạ, tôi sợ quá bỏ chạy...” và L cầm mã tấu. B chở BC7 về nhà lấy rựa và rìu;

- Bị cáo BC5 khai: “chúng tôi bị đánh bỏ chạy đến ngã ba buru điện, gần UBND xã IJ thì dừng lại ...BC2 gọi điện thoại cho anh BC1...được 15 phút thì anh BC1 cùng ba người nữa đến cầm theo mã tấu, rựa, rìu. Tại đây anh BC1bảo chúng tôi vào đánh nhóm thôn 5 rồi lấy xe về, chúng tôi đồng ý đi, trừ ba người con gái...anh BC1 đi đầu...” và tại địa điểm gây án: “hai bên đánh nhau giáp lá cà”;

- Bị cáo BC4 khai: “Khi chúng tôi đứng trước buru điện xã IJ BC2 mượn điện thoại của tôi điện cho anh BC1 lên hỗ trợ lấy xe về, khoảng 10 phút sau thấy BC1, BC7, B, L đến, trên tay cầm mã tấu...BC1 bảo chúng tôi đi cùng; Tôi, BC5, BC3, BC8, BC9, BC2, BC6 đồng ý đi...” và “mục đích là đánh lại người đã đánh em trai tôi” và “Tập trung ở buru điện, chuẩn bị hung khí ...tôi chờ đồng bọn đi đánh có thể gây chết người và thương tích...” và khi đến địa điểm gây án: “ hai bên lao vào đánh nhau, tôi thấy nhóm tôi cầm dao gậy lao vào, còn nhóm bên thôn 5 lao ra nhưng hành vi của người nào thì tôi không thấy rõ” và sau khi đánh nhau: “chúng tôi gồm: BC1, BC2, L, B, tôi, BC6, BC9, BC5, BC3, BC8...tập trung ở nhà BC1 và BC1 nói khi được mời lên làm việc thì chỉ khai đến để đòi lại xe thôi chứ không khai gì khác...” ;

- Bị cáo BC8 và BC9 khai về việc các bị cáo tập trung tại ngã ba buru điện xã IJ gồm 14 người trong đó có ba nữ và tại ngã ba buru điện xã IJ thống nhất với nhau để cho 3 nữ về còn lại cùng đi đến địa điểm gây án để đánh lấy xe và BC8 bảo BC5 lấy cây gậy làm hung khí; BC8 đưa cho BC9 01 cây tuýp sắt dùng làm hung khí đánh nhau và khi đến địa điểm gây án: “khi chúng tôi kéo đến thì bị nhóm kia cầm gậy, súng ra đánh lại ...tôi có bị nhóm kia đánh trúng tay phải bị

thâm tím” và “Anh BC1, anh BC2, anh BC7 và một số người xông vào đánh nhau, xấp lá cà . Sau đó, tôi nghe anh BC1 nói có súng nên bỏ chạy tán loạn...”;

Lời khai của các bị cáo nêu trên, phù hợp với lời khai của nhân chứng Phan Thị H, Nguyễn Thị Kiều O và Phan Thị Trà G về việc tại ngã ba buru điện xã IJ đã can ngăn các bị cáo đi đánh trả thù: “Khi tôi tới buru điện thì thấy B, BC7, BC9, BC8, BC6, BC5, BC3, BC2, BC1, L chuẩn bị đi xuống thôn 5, Tôi chạy lại nói là đừng đi đánh nhau, anh BC1 cầm theo mã tấu đẩy nhưng có người nói lại là con gái biết gì, lấy xe về đi đừng có cản trở...mấy người kia kéo xuống khoảng 5 phút thì thấy chạy tán loạn...có người khóc...” và: “BC2 điện thoại gọi thêm một số người đến giúp và đòi lại xe về” “tôi nghe họ nói là không lấy được xe thì đánh”; Phù hợp với lời khai của các bị hại Lang Văn T3, Lò Văn T4 về việc các bị cáo cùng chờ nhau đến địa điểm gây án, mang theo nhiều hung khí nguy hiểm, đe dọa, xông vào tấn công các bị hại và gây thương tích cho các bị hại: “5 phút sau, tôi thấy nhiều xe, chở nhiều người cầm dao, những chiếc xe này dừng trước cổng nhà anh Lang Văn S, ập vào chỗ tôi nói thằng nào dám giữ xe của tao, muốn chết không rồi họ lao vào chém. Bị bất ngờ nên chúng tôi nhặt gậy đánh lại, họ ra khỏi sân anh S, tôi cầm gậy đuổi theo ...tôi thấy nhói đau trên đầu...”; “đang đuổi theo thì bất ngờ bị chém một nhát vào đầu ...tôi ngã xuống và không biết gì nữa...”; “thấy anh S cầm khúc cây ...tôi cũng cầm một cây” và: “anh S cầm một cây gậy tre giơ lên và hù dọa nói bọn bay thích chết không tao bắn chết”.

Các lời khai của các các bị cáo, các bị hại và các nhân chứng nêu trên phù hợp với lời khai của các nhân chứng Lê Thị T, Lương Thị T và Vi Trường V về việc các bị hại Lang Văn S, Lang Văn T3, Lò Văn T4 khi đuổi đánh các bị cáo chỉ dùng gậy gỗ và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường do Công an tỉnh Đắk Lắk lập ngày 09/4/2016; kết luận pháp y tử thi số 253/GĐPY ngày 09/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk; kết luận giám định pháp y thương tích số 601/PY-TgT ngày 27/5/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk và kết luận pháp y thương tích số 600/PY-TgT ngày 27/5/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, HĐXX có đủ căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Xuất phát từ nguyên nhân các bị cáo BC2, BC6, BC4, BC9, BC8, BC3 và BC5 cùng nhau đi tìm Vi Trường V để đánh trả thù nhưng bị một số người dân tại thôn 5, xã IJ, huyện ES đuổi chạy. Do không tìm đánh được V và bị bỏ chạy phải bỏ lại xe máy nên BC2 gọi điện thoại cho BC1 đến giúp đánh lại và lấy xe máy về.

Tại địa điểm trước buru điện xã IJ, huyện ES các bị cáo BC2, BC6, BC4, BC9, BC8, BC3, BC5, BC7, Đinh Văn L, Đinh Văn B và BC1 gặp nhau và thống nhất đi đánh thanh niên thôn 5 và lấy xe máy về. Trước khi các bị cáo đi đánh

nhau thì các chị Phan Thị H, Phan Thị Trà G và chị Nguyễn Thị Kiều O can ngăn nhưng các bị cáo không nghe nên các chị H, G và O đi về. Sau khi thống nhất, các bị cáo cùng đi đến địa điểm đánh nhau trên 04 xe máy và đem theo các hung khí như sau:

- BC2 điều khiển xe mô tô chở BC1 ngồi giữa, Đinh Văn L ngồi sau mỗi người cầm 01 cây mã tấu, riêng BC2 cầm theo 01 cây tuýp sắt.

- Đinh Văn B điều khiển xe mô tô chở BC7 tay phải cầm rựa, tay trái cầm rìu.

- BC4 điều khiển xe mô tô chở BC6 ngồi giữa cầm một con dao thái thịt, BC9 ngồi sau cầm một cây tuýp sắt.

- BC8 điều khiển xe mô tô chở BC3 ngồi giữa, BC5 ngồi sau mỗi tên cầm một đoạn cây gỗ.

Khi các bị cáo đi đến trước nhà chị Lò Thị T (*Thôn 5, xã IJ, huyện ES*) thì xuống xe đi vào trong sân nhà chị T hỏi chị T ai đã đánh BC2 và đòi trả lại xe mô tô nếu không sẽ giết hết. Thấy sự việc như vậy thì các bị hại Lang Văn S, Lang Văn T3, Lò Văn T4 đang đứng ở hiên nhà anh S, bực tức trước hành vi ngang tàng của các bị cáo nên mỗi người tìm lấy 01 đoạn cây gỗ đuổi đánh. Hai bên xông vào đánh nhau và anh T4 bị chém ở thái dương trái và đỉnh đầu, anh T3 bị chém ở vùng đỉnh đầu trái và vai trái và anh S bị bị cáo BC7 cầm rựa chém 01 nhát vào vùng đầu.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 601/PY-TgT ngày 27/5/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận tỷ lệ phần trăm thương tích của Lò Văn T4 là: 30% (*Ba mươi phần trăm*), vật tác động: sắc bén.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 600/PY-TgT ngày 27/5/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận tỷ lệ phần trăm thương tích của Lang Văn T3 là: 10% (*Mười phần trăm*) vật tác động: sắc bén.

Tại Bản kết luận pháp y tử thi số số 253/GDPY ngày 09/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Nguyên nhân tử vong của Lang Văn S là: vết thương chằm phải gây nên đứt, vỡ xương sọ, thương tổn tiểu não phải, dẫn đến choáng não và mất máu cấp không hồi phục. Tác nhân: Do vật cứng có lưỡi sắc gây nên.

Như vậy, các bị cáo đã có sự thống nhất tìm đánh nhóm thanh niên Thôn 5, xã IJ, huyện ES với mục đích “*đánh để lấy lại xe máy*” và “*đánh trả thù*”. Tuy nhiên, do các bị cáo không giới hạn về hậu quả, cùng nhau đem theo: Dao, mã tấu, rìu, tuýp sắt, cây gỗ là các hung khí dễ gây nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe của người khác để đánh chém anh Lang Văn S, Lang Văn T3 và Lò Văn T4.

Cho nên, hậu quả xảy ra là bị hại Lang Văn S chết, Lang Văn T3 và Lò Văn T4 bị thương tích thì các bị cáo phải cùng phải chịu trách nhiệm.

Theo các kết luận giám định pháp y thể hiện thương tích của các bị hại trong vụ án này đều do các vật “sắc bén”, “có lưỡi sắc” gây ra phù hợp với các hung khí mà các bị cáo sử dụng; các bị hại Lang Văn S, Lang Văn T3 và Lò Văn T4 chỉ dùng những cây gỗ để đánh nhau thì không thể gây ra các vết thương tích như kết luận của pháp y nêu trên. Vì vậy, các bị cáo BC1, BC7, BC2, BC6, BC4, BC8, BC3, BC5 bị Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk xử phạt về tội “*Giết người, cố ý gây thương tích*” và bị cáo BC9 xử phạt về tội “*Giết người*” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo BC9 sinh ngày 09/5/2000, khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội (ngày 08/4/2016) mới 15 tuổi 10 tháng 29 ngày. Cho nên, chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự năm 1999. BC9 chỉ có hành vi đồng phạm tội “*cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự là tội phạm nghiêm trọng nên BC9 chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo BC9 như đã nêu trên là không đúng pháp luật, HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 107 và Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự hủy phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo BC9 về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Bị cáo BC1 trực tiếp lôi kéo bị cáo Đinh Văn B, BC7 tham gia, cầm theo mã tấu, cùng thống nhất đi đến địa điểm xảy ra vụ án và tại địa điểm gây án BC1 đã hô hào kích động việc đánh nhau. BC8 cùng tham gia đi đánh nhau, cung cấp hung khí là tuýp sắt cho bị cáo BC9 và là người chở BC3 và BC5 đến địa điểm gây án nên cũng là đồng phạm trong vụ án này. Cho nên, kháng cáo của bị cáo BC1 và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo BC8 là bà MTS về xem xét lại tội danh không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hậu quả đặc biệt nghiêm trọng do hành vi phạm tội gây ra và vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Đồng thời, sau khi cân nhắc xem xét tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại; bị cáo BC7 và bị cáo BC9 là người dân tộc thiểu số và gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo BC9; gia đình các bị cáo BC4, BC6, BC8 và BC9 có công với nước và các bị cáo BC2, BC9, BC8, BC3 khi phạm tội còn ở độ tuổi chưa thành niên để quyết định xử phạt bị cáo BC2 15 năm tù về tội: “*Giết người*” và 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo BC1 15 năm tù về tội: “*Giết người*” và 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo BC7 19 năm tù về tội: “*Giết người*” và 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo BC6 14 năm tù

về tội: “*Giết người*” và 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo BC3 13 năm tù về tội: “*Giết người*” và 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo BC5 13 năm tù về tội: “*Giết người*” và 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo BC4 12 năm 06 tháng tù về tội: “*Giết người*” và 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo BC8 09 năm 06 tháng tù về tội: “*Giết người*” và 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo BC9 05 năm 06 tháng tù về tội: “*Giết người*” là phù hợp, không nặng.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm gia đình các bị cáo BC8 và bị cáo BC9 tiếp tục bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại; gia đình các bị cáo BC2, BC6, BC4, BC3, BC5 tiếp tục bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại Lang Văn S và gia đình bị hại Lang Văn S cùng các bị hại Lang Văn T3, Lò Văn T4 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; gia đình các bị cáo là hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn và cha bị cáo BC5 có công với nước, được tặng thưởng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới cần được xem xét áp dụng đối với các bị cáo để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ cho bị cáo BC2, BC6, BC4, BC3, BC8, BC5 và BC9 một phần hình phạt. Riêng bị cáo BC1 phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng cấp sơ thẩm xử phạt 15 năm tù về tội “*Giết người*” là nhẹ nên không thể giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo. Đối với bị cáo BC7 trực tiếp dùng rựa chém bị hại Lang Văn S chết nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo BC7.

Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo BC2, BC6, BC4, BC3, BC8, BC5 và BC9 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và do không chấp nhận kháng cáo của bị cáo BC1, bị cáo BC7 nên BC1 và bị cáo BC7 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249; Khoản 3 Điều 107 và Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo BC9 về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2/ Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo BC7 và bị cáo BC1.

3/ Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo BC2, BC6, BC4, BC3, BC5; đại diện hợp pháp của bị cáo BC8 và BC9; sửa bản án sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 13 và 14/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần quyết định hình phạt.

- Áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 50, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo BC2 14 năm 06 tháng tù về tội “*Giết người*” và 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC2 phải chấp hình phạt chung là 17 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

- Áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo BC7 19 năm tù về tội “*Giết người*” 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC7 phải chấp hành hình phạt chung là 21 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/4/2016.

- Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo BC1 15 năm tù về tội “*Giết người*” và 2 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC1 phải chấp hình phạt chung là 17 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

- Áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo BC6 13 năm 06 tháng tù về tội “*Giết người*” và 2 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC6 phải chấp hình phạt chung là 15 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

- Áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 50; Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo BC3 12 năm tù về tội “*Giết người*” và 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC3 phải chấp hình phạt chung là 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

- Áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo BC5 12 năm tù về tội “*Giết người*” và 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC5 phải chấp hình

phạt chung là 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

- Áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1,2 Điều 46, 47; Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo BC4 11 năm 06 tháng tù về tội “*Giết người*” và 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC4 phải chấp hành hình phạt chung là 13 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

- Áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 50, Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo BC8 08 năm 06 tháng tù về tội “*Giết người*” và 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo BC8 phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

- Áp dụng điểm n, khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 50; Điều 69 và khoản 2 Điều 74 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo BC9 05 năm tù về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/04/2016.

2/ Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự của các bị cáo Đinh Văn L và Đinh Văn B; về trách nhiệm dân sự; về lỗi chậm thi hành án; về xử lý vật chứng và về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Bị cáo BC2, BC6, BC4, BC3, BC5 và đại diện hợp pháp của bị cáo BC8, BC9 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo BC1 và BC7 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 10/8/2017.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh